

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49 /2019/HS-ST
Ngày 27-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hòa; Ông Phạm Khánh Quân;

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Hà Sỹ Thái – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2019/TLST – HS ngày 16-8-2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HS, ngày 14 - 10 -2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/HSST-QĐ, ngày 28 -10 - 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Ch; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20/3/1993 tại tỉnh Kon Tum. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum. Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Võ Thị Ch (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2019 , hiện đang ở với mẹ. Anh em ruột có 03 người, bị cáo là con đầu trong gia đình. Tiền sự: Không; Tiền án: Tại bản án sơ thẩm số 04/2015/HSST ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kon Tum xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Về nhân thân: Tại bản án sơ thẩm số 05/2015/HSST ngày 06/03/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do

người khác phạm tội mà có”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2019 đến ngày 20/6/2019 được thay bằng biện pháp bảo lãnh; có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Công T; Sinh năm 1978. Nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có đơn xin xét xử vắng mặt;

Anh Đặng Văn L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có đơn xin xét xử vắng mặt;

Anh Trần Thanh T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có mặt.

Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có mặt.

Chị Nguyễn Thị Nh; Sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có mặt.

- Anh Đinh M, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai; Có đơn xin xét xử vắng mặt;

Những người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị H; Anh Bùi Văn Th; Cháu Trần Đặng Tuấn H, sinh ngày 19/9/2007; Người giám hộ cho cháu Trần Đặng Tuấn H là chị Đặng Thị Th (mẹ đẻ); Anh Nguyễn Văn Ch; Anh Hoàng S; anh Nguyễn Văn Q;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 21/01/2019, Nguyễn Văn Ch điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter, biển số 81K1-01241 chở phía sau 25 hộp pháo trong bao tải xác rắn màu xanh, đi từ xã P về xã S. Khi đi đến thôn M, xã Đ, huyện N thì bị Công an xã Đ kiểm tra phát hiện chở pháo và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, sau đó bàn giao lại cho Công an huyện N xử lý theo thẩm quyền.

Qua đấu tranh Nguyễn Văn Ch khai: Khoảng 16 giờ ngày 20/01/2019 Ch và Lê Công T ngồi uống cà phê tại quán cà phê đối diện Ủy ban nhân dân xã Đ. Tại đây T hỏi nhờ Ch mua giúp pháo và đưa cho Ch 9.000.000đ (chín triệu đồng). Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 21/01/2019 Ch ngồi uống cà phê tại quán Bóng Đá thuộc thôn H, xã Đ cùng với Lê Công T, Đặng Văn L, Nguyễn Văn Ch, Hoàng S. Trong

lúc uống cà phê Ch điện thoại cho Trần Thanh T ở thôn K, xã P hỏi về giá cả mua bán pháo được T cho biết 500.000đ/hộp. Sau đó Ch nói lại với T về giá pháo, T đưa thêm cho Ch 1.000.000đ để nhờ mua pháo. L mượn của T 5.000.000đ và lấy tiền trong ví 3.500.000đ, tổng cộng 8.500.000đ L đưa Ch nhờ mua giúp pháo. Sau khi uống cà phê xong Ch bắt xe taxi vào xã P để mua pháo, trên đường đi vào xã P tài xế xe taxi từ chối chở pháo nên Ch đã điện thoại cho T hỏi mượn xe mô tô, được T đồng ý. T đi xe mô tô vào thôn N, xã P giao xe cho Ch rồi lên xe taxi đi về. Ch điều khiển xe mô tô Sirius biển số 82E1-14673 đi đến nhà T. Khi gặp T tại nhà Ch nói “em vừa gọi điện lúc nãy, em đến mua pháo”. Sau đó T dẫn Ch đến một phòng Karaoke đã bỏ không, Ch thấy có nhiều bao tải màu xanh và màu đỏ, Ch nghi là trong đựng pháo. Ch nói với T “em lấy bốn chục hộp” và đưa cho T 20.000.000đ, (trong đó 1.500.000đ là tiền của Ch, 10.000.000đ tiền của T, 8.500.000đ tiền của L). T kéo ra phòng khách một bao tải màu xanh giao cho Ch nói “bao này có 25 hộp, bây giờ chưa có số lẻ, tí quay lại lấy”. Sau đó T hỏi Ch “mày đi xe nào”, Ch chỉ ra xe mô tô đã mượn của T, T nhìn ra và nói “xe này làm sao mà chạy được”. Sau đó T dắt xe biển số 81K1-01241 đưa cho Ch để chở pháo về. Ch để lại chiếc xe biển số 82E1-14673 ở tại nhà T. Trên đường Ch chở pháo về thì bị bắt như nêu ở trên, tổng khối lượng pháo Ch vận chuyển là 48,1kg.

Trên cơ sở lời khai của Nguyễn Văn Ch, vào lúc 19 giờ 00 phút ngày 21/01/2019 cơ quan điều tra khám xét tại nhà Trần Thanh T ở thôn K, xã P, thu giữ 02 hộp pháo, tổng khối lượng 05 kg.

Tại bản kết luận giám định số 199/KL-GĐ ngày 28/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: Mẫu vật gửi đến giám định là 27 hộp giấy kín; trong đó: 18 hộp giấy kín, bên ngoài dán giấy màu in chữ HAPPY BOOM - KK0049 - 49 SHOTS và 07 hộp giấy kín, bên ngoài dán giấy màu in chữ HAPPY BOOM CELEBRATION CAKE- KK0049 - 49 SHOTS, bên trong mỗi hộp đều có 49 vật hình trụ được liên kết với nhau, có tổng khối lượng là 48,1kg. Và 02 hộp giấy kín, bên ngoài dán giấy màu in chữ Flying Dragon-A8104-9 SHOTS, có khối lượng 05kg, tất cả đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (Có chứa thuốc pháo và khi đốt bay lên cao, gây tiếng nổ, phát ra ánh sáng màu).

Tại bản cáo trạng số: 39/CT- VKS ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Nguyễn Văn Ch về tội: “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản cáo trạng nhận định Lê Công T, Đặng Văn L không thừa nhận đưa tiền

cho Ch nhờ mua pháo như Nguyễn Văn Ch đã khai; Trần Thanh T không thừa nhận bán pháo cho Nguyễn Văn Ch. Quá trình điều tra không xác định được hành vi phạm tội của những đối tượng này nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T, L, T. Khi khám xét nhà T thu giữ được 05kg pháo tại nhà nên cơ quan Công an đã ra quyết định xử phạt hành chính 7.500.000đ đối với Trần Thanh T về hành vi “Tàng trữ hàng cấm”.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ ‘thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải’ và “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm” theo các điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị tuyên phạt bị cáo tù 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Về xử lý vật chứng đề nghị tịch thu và tiêu hủy số pháo đã thu giữ, bao tải, bao ni lông. Tuyên trả chiếc xe mô tô biển số 82E1-14673, đứng tên chị Nguyễn Thị Nh cho chị Nh, vì khi cho mượn xe chị Nh không biết Ch dùng để chở pháo. Trả biển số xe 81K1 - 01241 cho anh Đinh M. Giao xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA - EXCTTER, không biển số, số khung 10CY-166980, số máy 55P1-166989 cho cơ quan Công an huyện N xử lý theo thẩm quyền, vì xe này chưa xác định rõ nguồn gốc, chủ sở hữu. Đề nghị buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

- Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Ch thừa nhận hành vi vận chuyển pháo của mình đúng như Viện kiểm sát đã truy tố. Ch thừa nhận khi hỏi mượn xe mô tô của T thì Ch không nói cho T biết dùng để chở pháo, chỉ nói mượn đi công chuyện một chút. Sau khi đối chất tại phiên tòa Ch xác định rõ lại, thỉnh thoảng hay vay tiền của T và L. Sáng ngày 21/01/2019 Ch có hỏi vay tiền L, khi L đưa tiền đã nói với Ch ‘ Cho mượn tiền, có pháo thì đưa’. Tối ngày 20/01/2019 Ch nhắn tin vào số điện thoại của T để trao đổi mua bán pháo nhưng ai là người nhắn lại thì Ch không biết. Xác nhận ngoài nhắn tin vào số điện thoại của T thì không điện thoại cho T nói gì đến việc mua bán pháo.

-Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa như sau:

Lê Công T khai: Khoảng hơn 16 giờ ngày 20/01/2019 đã cho Nguyễn Văn Ch mượn 9.000.000đ để làm ăn, có sự chứng kiến của “Quang M” tại quán cà phê đối diện Ủy ban nhân dân xã Đ. Sáng ngày 21/01/2019 T ngồi uống cà phê cùng Ch. L. Ch. S (T) tại quán cà phê bóng đá ở xã Đ, trong lúc uống cà phê T trả nợ L

300.000đ, không đưa tiền cho L mượn 5000.000đ và không đưa Ch thêm 1.000.000đ để nhờ Ch mua pháo như Ch khai. Có cho Ch mượn chiếc xe mô tô biển số 82E1-14673 nhưng không biết Ch đã dùng chở pháo.

Đặng Văn L khai: Sáng ngày 21/01/2019 L ngồi uống cà phê cùng Ch. T. Ch. S tại quán cà phê bóng đá ở xã Đ. Ch hỏi mượn tiền nghĩ là Ch cần tiền để chuộc tài sản nên cho Ch mượn 3.000.000đ và xác nhận T trả nợ cho L 300.000đ. L bác bỏ lời khai của Ch cho rằng L mượn T 5.000.000đ và thêm tiền của L đưa cho Ch 8.500.000đ để nhờ mua pháo.

Trần Thanh T khai: Có quan hệ, quen biết với Nguyễn Văn Ch trong việc mua bán xe, không có việc bán pháo cho Ch và đưa đổi xe để Ch chở pháo. Tối ngày 20/01/2019 T đi ngủ sớm, trước khi ngủ máy điện thoại của T đang sạc pin, T không nhắn tin trao đổi mua bán pháo với Ch, còn ai nhắn tin thì T không biết, không biết gì về chiếc xe mô tô biển số 81K1-01241. T thừa nhận đã mua 02 hộp pháo của một người không quen biết để chơi tết và đã bị cơ quan Công an thu giữ.

Đặng Thị Th (là vợ của Trần Thanh T) khai: Khoảng 11 giờ trưa ngày 21/01/2019 Nguyễn Văn Ch đi xe mô tô biển số 82E1-14673 gửi ở nhà chị, vì là chỗ quen biết nên cho Ch để nhờ, sau đó Ch đi đâu, làm gì thì không biết.

Chị Nguyễn Thị Nh (là vợ của Lê Công T) khai: Chiếc xe mô tô biển số 82E1-14673 mà anh T cho Ch mượn, xe này chị đứng tên chủ sở hữu, chị không biết gì về việc Ch mượn chở pháo. Yêu cầu trả lại chiếc xe này cho chị.

Anh Đinh M khai: Biển số xe 81K1-01241 là của anh, còn khung và thân máy thì không phải, anh đã bị mất xe vào năm 2015, đã xác định được người lấy trộm, không thu hồi được xe. Anh xin nhận lại biển số xe 81K1-01241.

-Những người làm chứng khai tại hồ sơ và tại phiên tòa như sau:

Anh Nguyễn Văn Ch khai: Sáng ngày 21/01/2019 anh ngồi uống cà phê cùng Ch, L, T, S. Trong lúc uống cà phê anh mãi xem ti vi nên không để ý lắm, chỉ nghe mọi người nói chuyện loáng thoáng về gỗ lạt và chuyện xã hội, không nghe nói gì về pháo. Có nhìn thấy L đưa Ch xấp tiền, mệnh giá 200.000đ, đưa bao nhiêu, đưa để làm gì thì anh không biết. Anh không nhìn thấy T đưa tiền cho L hay cho Ch.

Anh Hoàng S khai: Sáng ngày 21/01/2019 anh ngồi uống cà phê cùng Ch, L, Ch, T. Khi ngồi uống nói chuyện về gỗ và thu mua cao su, không nói chuyện gì về

pháo, không chứng kiến ai đưa tiền cho ai. Anh S ngồi uống cà phê khoảng 15 phút thì ra về.

Anh Nguyễn Văn Q khai: Chiều ngày 20/01/2019 khi đi ngang qua quán cà phê gần Ủy ban xã Đ, T gọi Q vào uống cà phê cùng T và Ch. Trong lúc uống T hỏi Q đi đâu, sau đó Q thấy T đưa cho Ch xấp tiền, không rõ bao nhiêu, không biết đưa vì lý do gì.

Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn Th là những người quen biết với gia đình anh Trần Thanh T khai: Chưa bao giờ nhìn thấy gia đình anh Trần Thanh T đi, sử dụng chiếc xe mô tô biển số 81K1-01241.

Cháu Trần Đăng Tuấn H khai: Thường thì ngày nào cũng lấy điện thoại của bố (Trần Thanh T) để lên mạng, nhắn tin, gọi điện nghịch. Trong khi sử dụng máy nếu có tin nhắn đến thì cũng nhắn tin lại. Khoảng trước tết nguyên đán không nhớ rõ ngày, khi đang sử dụng máy thấy có tin nhắn lạ hỏi giá pháo, cháu có nhắn lại nghịch nhưng không nhớ nội dung cụ thể.

-Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết việc làm của mình là sai, bị cáo thật sự ăn năn hối cải nên đã đóng góp giúp cơ quan chức năng phát hiện tội phạm. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin hứa về sau không phạm tội nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xác định hành vi của Đặng Văn L, Lê Công T, Trần Thanh T: Vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 21/01/2019, tại địa điểm thôn 1, xã Đ bị cáo đã bị Công an xã Đ bắt giữ quả tang khi đang vận chuyển 25 hộp pháo bằng xe mô tô. Ch khai nguồn gốc số pháo này mua của Trần Thanh T. Số tiền dùng để mua pháo có sự tham gia đưa tiền của Đặng Văn L và Lê Công T, mục đích mua pháo để sử dụng chơi tết.

Trên cơ sở lời khai của Ch cơ quan điều tra tiến hành khám xét tại nhà T, thu thập chứng cứ, lấy lời khai, đối chất để làm rõ hành vi của Đặng Văn L, Lê Công T, Trần Thanh T và kết luận không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L, T, T.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Tòa án đã yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ một số nội dung, chứng cứ trong vụ án. Tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập, bổ sung thêm chứng cứ nhằm điều tra triệt để các vấn đề, tránh bỏ lọt tội phạm;

Qua đấu tranh, đối chất làm rõ các chứng cứ tại phiên tòa, cho thấy:

Ch khai L đưa cho Ch 8.500.000đ; T đưa cho Ch một lần 9.000.000đ, một lần 1.000.000đ, là 10.000.000đ, để nhờ mua pháo. L lại khai đưa Ch mượn 3.000.000đ. T lại khai đưa Ch mượn 9.000.000đ. Anh Q là người chứng kiến việc T đưa tiền cho Ch cũng như anh Ch là người chứng kiến việc L đưa tiền cho Ch, cả anh Ch, anh Q không biết L, T đưa Ch bao nhiêu tiền, đưa để làm gì. Khi ngồi uống cà phê anh Q, anh Ch, anh S xác định không nghe gì giữa Ch, L, T nói chuyện, trao đổi gì liên quan đến việc mua bán pháo. Ngoài lời khai của những người làm chứng không có chứng cứ khác để chứng minh nên không đủ cơ sở khởi tố L, T về tội phạm liên quan đến pháo.

Ch khai 25 hộp pháo vận chuyển mua của Trần Thanh T. T bác bỏ lời khai của Ch. Cơ quan điều tra thu thập sao lưu lại nội dung tin nhắn giữa máy điện thoại của Ch với máy điện thoại của T về việc trao đổi giá pháo và giao nhận pháo vào tối ngày 20/01/2019. T thừa nhận đó là số máy điện thoại của T và cho rằng T không nhắn tin trao đổi mua bán pháo với Ch. Cháu H (là con trai của T) nhận hay lấy máy điện thoại của bố lên mạng và nhắn tin lại khi có người nhắn đến để nghịch. Trước tết cháu có nhắn lại tin cho người lạ khi họ hỏi về giá pháo, cháu H không nhớ nội dung tin nhắn cụ thể. Trong nội dung tin nhắn sao lưu có trao đổi việc giao nhận pháo vào ngày tối ngày 20/01/2019 nhưng thực tế các bên không giao nhận pháo như nội dung tin nhắn và không nhắn tin xác định lý do. Cơ quan điều tra tiến hành thu thập chứng cứ thu giữ file ghi âm lời thoại giữa máy điện thoại Ch với máy điện thoại T thời gian từ ngày 20/01/2019 đến ngày 22/01/2019; được Tập đoàn công nghiệp –Viễn thông Quân đội trả lời hệ thống không lưu file ghi âm cuộc gọi giữa số điện thoại 0395592747 (Ch) với số điện thoại 0985494609 (T). Hơn nữa tại phiên tòa Ch xác định lại chỉ nhắn tin, không điện thoại liên lạc gì với T.

Đối với chứng cứ về chiếc xe mô tô mà khi mua pháo xong Ch đã đổi lấy xe mô tô của T để chở pháo về, chiếc xe này có biển số 81K1 – 012.41 đứng tên chủ là anh Đinh M, còn khung, thân máy đứng tên chủ xe Lê Văn Nh. Những người quen biết gia đình T như chị H, anh Th xác nhận chưa bao giờ thấy gia đình T sử dụng chiếc xe mô tô này.

Trước thời điểm Ch bị bắt, T chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án theo các tội quy định tại điểm e khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự. Số pháo Cơ quan điều tra khám xét thu giữ tại nhà T là 05kg, không đủ định lượng khởi tố nên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T.

Như phân tích trên, với các tài liệu, cơ sở chứng cứ đã làm rõ tại phiên tòa không đủ căn cứ để khởi tố đối với Đặng Văn L, Lê Công T, Trần Thanh T, đúng như Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã xác định.

[3] Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Văn Ch: Vì không đủ căn cứ để khởi tố đối với Đặng Văn L, Lê Công T, Trần Thanh T nên Cơ quan điều tra đã khởi tố bị cáo theo đúng hành vi bị cáo đã thực hiện và bị bắt. Tại phiên tòa Ch thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Ch đã bị bắt quả tang khi đang vận chuyển 25 hộp pháo, có khối lượng 48,1kg, theo kết quả giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi vận chuyển pháo của bị cáo thể hiện lỗi cố ý thực hiện tội phạm là đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, lợi ích hợp pháp của tổ chức và của công dân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ nghiêm trọng, đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, có mức khung hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm. Chính vì vậy bị cáo bị viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Về tình tiết tăng nặng: Năm 2015 bị cáo 02 lần bị kết án, tính đến ngày phạm tội bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của bản án sơ thẩm số 05/2015/HSST ngày 06/03/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã được xóa án tích. Đối với bản án sơ thẩm số 04/2015/HSST ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kon Tum xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản” thì bị cáo chưa được xóa án nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử bị cáo thể hiện “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; Bị cáo được Phòng PC04 Công an tỉnh Kon Tum ghi nhận công lao đóng góp giúp điều tra, phát hiện tội phạm, thể hiện “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm”. Vì vậy cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Ngoài xem xét tính chất, động cơ, mức độ tội phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; thấy rằng trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu, bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm”. Cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 các điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đánh giá và xử lý như sau:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA – SIRIUS mang biển số 82E1-14673 bị cáo đã dùng làm phương tiện chở pháo. Chiếc xe này thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Nh, khi cho mượn anh T và chị Nh không biết bị cáo dùng chở pháo nên trả lại cho chị Nh.

Đối với biển số xe 81K1-01241 xác định được của anh Đinh M bị mất trộm, trả lại cho anh Đinh M.

Do không xác định được giữa Ch với T trao đổi, mua bán pháo qua điện thoại nên trả lại cho Trần Thanh T Sim điện thoại Viettel, số sim 0985494609, số seri của sim 8984048000010711864 và 01 điện thoại di động I phon 5, màu đen bạc, có lắp sim số 0337279812. Trả lại cho Ch 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPP0, màu xám trắng, có lắp sim số 039552747.

Theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới của Công an tỉnh Kon Tum, chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA - EXCTTER, số khung 10CY-166980, số máy 55P1-166989, không có biển số, chủ xe là anh Lê Văn Nh, địa chỉ: Học viện âm nhạc, số X Lê Lợi, Huế. Cơ quan điều tra đã xác minh theo địa chỉ nhưng không có ai tên Lê Văn Nh. Vì chưa xác định rõ nguồn gốc, chủ sở hữu chiếc xe mô tô này nên giao lại cho Cơ quan điều tra Công an huyện N để điều tra, xác minh và xử lý theo thẩm quyền.

Đối với số pháo thu giữ được là vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành và 01 vỏ bao tải màu xanh, 01 vỏ bao ni lông không có giá trị, cần tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 191, các điểm s, t khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ: Khoản 1 các điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định về xử lý vật chứng;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự về quyền kháng cáo;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ch phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”;

Xử phạt Nguyễn Văn Ch 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành hình phạt. Nguyễn Văn Ch được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2019 đến ngày 20/6/2019 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Thực hiện theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/8/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, như sau:

Trả lại xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA – SIRIUS mang biển số 82E1-14673 cho chị Nguyễn Thị Nh.

Trả biển số xe 81K1 - 01241 cho anh Đinh M.

Trả lại cho Trần Thanh T sim điện thoại Viettel, số sim 0985494609, số seri của sim 8984048000010711864 và 01 điện thoại di động I phon 5, màu đen bạc, có lắp sim số 0337279812.

Trả lại cho Nguyễn Văn Ch 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xám trắng, có lắp sim số 0395592747.

Giao xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA - EXCTTER, không biển số, số khung 10CY-166980, số máy 55P1-166989 cho Cơ quan điều tra Công an huyện N để điều tra, xác minh và xử lý theo thẩm quyền.

Tịch thu, tiêu hủy 03 thùng giấy carton, bên trong có 24 hộp pháo, đã được niêm phong; 01 vỏ bao tải màu xanh, 01 vỏ bao ni lông.

3. Về án phí: Buộc Nguyễn Văn Ch phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Thanh T, chị Đặng Thị Th, chị Nguyễn Thị Nh được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/11/2019). Anh Đặng Văn L, anh

Lê Công T, anh Đinh M được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum đối với anh L, anh T; Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai đối với anh Đinh M.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người liên quan;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan điều tra cấp huyện;
- Cơ quan THA hình sự; dân sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo